

Số: 2034/QĐ-UBND

Huế, ngày 06 tháng 9 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại nò sáo**  
**trên đầm phá thuộc huyện Phong Điền giai đoạn 2008-2009.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế biển và đầm phá tỉnh Thừa Thiên Huế từ nay đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2007 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Tỉnh ủy khóa XIII về Phát triển kinh tế biển và đầm phá tỉnh Thừa Thiên Huế từ nay đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 928/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và mục đích phát triển kinh tế;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1200/SNN-KHTC ngày 05 tháng 9 năm 2008,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp nò sáo trên đầm phá huyện Phong Điền giai đoạn 2008-2009 với những nội dung sau:

**1. Tên Kế hoạch:** Sắp xếp nò sáo trên đầm phá huyện Phong Điền giai đoạn 2008-2009.

**2. Địa điểm thực hiện:** vùng đầm phá địa bàn 2 xã: Điền Hoà, Điền Hải.

**3. Mục tiêu sắp xếp nò sáo**

a) Mục tiêu chung

Phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường sinh thái, nguồn tài nguyên đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, ổn định đời sống của nhân dân sống dựa vào đầm phá.

b) Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện quy hoạch phân vùng khai thác nghề nò sáo trong đầm phá và giảm 50% số lượng nò sáo đến năm 2010.

- Giảm áp lực khai thác nghề nò sáo nhằm từng bước phục hồi môi trường sinh thái, nguồn lợi thủy sản, thông thoáng các luồng lạch giao thông, di cư của các loài thủy hải sản.

- Từng bước xây dựng hoàn thiện chính sách hợp lý về việc hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tạo sinh kế cho cư dân sống phụ thuộc vào đầm phá có cuộc sống sản xuất thích hợp nhằm đảm bảo phát triển kinh tế xã hội vùng đầm phá và bảo vệ tài nguyên môi trường bền vững.

#### 4. Nguyên tắc sắp xếp nò sáo

Nguyên tắc sắp xếp nò sáo dựa vào hệ thống pháp luật quản lý thủy sản và quy định của các ngành liên quan, như: giao thông thủy, môi trường, ... từ Trung ương, đặc biệt dựa vào Quyết định số 3677/QĐ-UB ngày 25/10/2004 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt "Quy hoạch tổng thể quản lý khai thác thủy sản vùng đầm phá Thừa Thiên Huế đến năm 2010" và Quyết định số 4260/2005/QĐ-UB ngày 19/12/2005 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về "Quy chế quản lý khai thác thủy sản đầm phá Thừa Thiên Huế".

Tiêu chí sắp xếp về số lượng, kích cỡ, mật độ cho nghề nò sáo:

- Không vi phạm quy định về giao thông thủy nội địa;
- Phải để luồng lạch cho các loài thủy hải sản di cư trong mùa sinh sản tối thiểu 1/3 bề rộng của cửa lạch;
- Khoảng cách tối thiểu của hai hàng trộ nghề là 150 m;
- Khoảng cách tối thiểu của hai cánh sáo liền kề cùng hàng là 15 m;
- Khoảng cách tối thiểu của cánh sáo cách bờ là 100 m;
- Mật lưới tối thiểu của nò sáo, cánh sáo  $2a = 18$  mm.

#### 5. Nội dung công việc

a) Củng cố và thành lập các Chi hội nghề cá

- Củng cố 01 Chi hội nghề cá thôn 8 đã có của xã Điền Hải.
- Vận động thành lập 03 Chi hội nghề cá, trong đó 02 Chi hội nghề cá tại xã Điền Hải và 01 Chi hội nghề cá tại xã Điền Hoà.
- Tổ chức xây dựng hương ước, kế hoạch sản xuất dựa vào cộng đồng để quản lý sau khi sắp xếp.

b) Cấp quyền sử dụng mặt nước đầm phá

- Hiện trạng sản xuất nò sáo: Thống kê, phân loại nò sáo; danh sách hộ nghề và ngư cụ; vẽ bản đồ ngư trường.
- Quy hoạch phân vùng: Phân vùng, định vị các điểm mốc, ranh giới, vẽ bản đồ mô tả nò sáo sau khi sắp xếp.
- Tiến hành cấp quyền khai thác theo Quy chế đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 4260/2005/QĐ-UB ngày 19/12/2005.

c) Thực hiện giải toả 65 trộ và sắp xếp lại 48 trộ nò sáo trên vùng đầm phá của 2 xã Điền Hòa và Điền Hải, huyện Phong Điền.

TT	Xã	Hiện trạng nò sáo		DT thủy vực (ha)	Số trộ nò sáo sau khi sắp xếp
		Số hộ	Số trộ nò sáo		
1	Xã Điền Hoà	19	20	89,15	8
2	Xã Điền Hải	97	93	560,26	40
	<b>Tổng số:</b>	<b>116</b>	<b>113</b>	<b>639,41</b>	<b>48</b>

- Đào tạo nghề cho 344 người lao động, bao gồm 35 lao động của xã Điền Hòa và 309 lao động của xã Điền Hải với các nghề chính: Đan lưới xuất khẩu, may công nghiệp, mộc mỹ nghệ, cơ khí và sửa chữa xe máy dân dụng tùy theo nhu cầu của người lao động và đảm bảo ổn định đời sống lâu dài, bền vững.

- Hỗ trợ 6 tháng lương thực bằng gạo để ổn định đời sống cho 65 hộ thuộc diện giải toả nò sáo.

- Hỗ trợ 1 tháng lương thực bằng gạo để ổn định đời sống cho 51 hộ thuộc diện sắp xếp lại nò sáo.

- Hỗ trợ ổn định sản xuất cho 65 hộ thuộc diện giải toả nò sáo.

- Hỗ trợ ổn định sản xuất cho 51 hộ thuộc diện sắp xếp lại nò sáo.

*(Chi tiết phụ lục đính kèm)*

*Lưu ý: Đối với các hộ có hai trở nò sáo trở lên khi thực hiện giải toả, hoặc sắp xếp lại thì chỉ được áp dụng một trong những chính sách hỗ trợ mức cao nhất.*

**6. Thời gian thực hiện:** Năm 2008 - 2009

**7. Kinh phí thực hiện:**

a) Tổng kinh phí hỗ trợ: 2.084.500.000 đồng

b) Hỗ trợ lương thực: 48.870 kg gạo

*Trong đó:*

Ngân sách tỉnh: 2.014.500.000 đồng

Ngân sách huyện: 70.000.000 đồng

**Năm 2008:** 200.000.000 đồng và 8.370 kg gạo

**Năm 2009:** 1.814.500.000 đồng và 40.500 kg gạo

**8. Tổ chức thực hiện**

a) UBND huyện Phong Điền có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch sắp xếp nò sáo đã được UBND tỉnh phê duyệt; thành lập Ban chỉ đạo để chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch.

b) UBND các xã Điền Hoà và Điền Hải: Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát từng hộ ngư dân trong việc thực hiện đúng theo Kế hoạch sắp xếp nò sáo đã được phê duyệt.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về mặt quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật trong việc sắp xếp nò sáo để đảm bảo hợp lý và hiệu quả.

d) Các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất thủy sản bằng nghề nò sáo trên vùng đầm phá huyện Phong Điền có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về khai thác thủy sản bằng nghề nò sáo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND các huyện Phong Điền và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Cao**

## KHÁI TOÁN KINH PHÍ SẮP XẾP NÒ SÁO HUYỆN PHONG ĐIỀN

(Đính kèm Quyết định số: 2034/QĐ-UBND ngày 06/9/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Công việc	ĐVT	SL	Đơn giá (1000đ)	Thành tiền (1000đ)	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí (1000đ)	
								NS Tỉnh	NS Huyện
1	Kinh phí chỉ đạo chung của Ban chỉ đạo cấp huyện				20000	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	2008-2009		20000
2	Kinh phí chỉ đạo chung của UBND xã Điền Hoà: thống kê phân loại, chi lực lượng sắp xếp lại tại hiện trường				20000	UBND xã Điền Hoà	2008		20000
3	Kinh phí chỉ đạo chung của UBND xã Điền Hải: thống kê phân loại, chi lực lượng sắp xếp lại tại hiện trường				30000	UBND xã Điền Hải	2008-2009		30000
4	Chi phí hỗ trợ giải toả 12 trộ sáo tại xã Điền Hoà				184000	UBND xã Điền Hoà	2008	184000	
	<i>Trộ sáo có chiều dài nhỏ hơn 300 m</i>	<i>trộ</i>	<i>2</i>	<i>13000</i>	<i>26000</i>	<i>UBND xã Điền Hoà</i>	<i>2008</i>	<i>26000</i>	
	<i>Trộ sáo có chiều dài từ 300 m đến 500 m</i>	<i>trộ</i>	<i>6</i>	<i>15000</i>	<i>90000</i>	<i>UBND xã Điền Hoà</i>	<i>2008</i>	<i>90000</i>	
	<i>Trộ sáo có chiều dài lớn hơn 500 m</i>	<i>trộ</i>	<i>4</i>	<i>17000</i>	<i>68000</i>	<i>UBND xã Điền Hoà</i>	<i>2008</i>	<i>68000</i>	
5	Chi phí hỗ trợ giải toả 53 trộ sáo tại xã Điền Hải				799000	UBND xã Điền Hoà	2009	799000	
	<i>Trộ sáo có chiều dài nhỏ hơn 300 m</i>	<i>trộ</i>	<i>10</i>	<i>13000</i>	<i>130000</i>	<i>UBND xã Điền Hoà</i>	<i>2009</i>	<i>130000</i>	
	<i>Trộ sáo có chiều dài từ 300 m đến 500 m</i>	<i>trộ</i>	<i>31</i>	<i>15000</i>	<i>465000</i>	<i>UBND xã Điền Hoà</i>	<i>2009</i>	<i>465000</i>	
	<i>Trộ sáo có chiều dài lớn hơn 500 m</i>	<i>trộ</i>	<i>12</i>	<i>17000</i>	<i>204000</i>	<i>UBND xã Điền Hoà</i>	<i>2009</i>	<i>204000</i>	
6	Chi hỗ trợ sắp xếp lại nò sáo	<i>trộ</i>	48	2000	96000			96000	
	<i>Hỗ trợ sắp xếp nò sáo xã Điền Hoà</i>	<i>trộ</i>	<i>8</i>	<i>2000</i>	<i>16000</i>	<i>UBND xã Điền Hoà</i>	<i>2008</i>	<i>16000</i>	
	<i>Hỗ trợ sắp xếp nò sáo xã Điền Hải</i>	<i>trộ</i>	<i>40</i>	<i>2000</i>	<i>80000</i>	<i>UBND xã Điền Hải</i>	<i>2009</i>	<i>80000</i>	
7	Chi phí đào tạo nghề cho 35 lao động xã Điền Hoà				65000	UBND huyện	2009	65000	
	<i>Học đan lưới xuất khẩu (2 tháng x 5 người)</i>	<i>tháng</i>	<i>10</i>	<i>500</i>	<i>5000</i>		<i>2009</i>	<i>5000</i>	
	<i>Học may xuất khẩu (3 tháng x 20 người)</i>	<i>tháng</i>	<i>60</i>	<i>500</i>	<i>30000</i>		<i>2009</i>	<i>30000</i>	
	<i>Học cơ khí, mộc mỹ nghệ, điện dân dụng, sửa chữa xe máy (6 tháng x 10 người)</i>	<i>tháng</i>	<i>60</i>	<i>500</i>	<i>30000</i>		<i>2009</i>	<i>30000</i>	

8	Chi phí đào tạo nghề cho 309 lao động xã Điện Hải				599000	UBND huyện	2009	599000	
	<i>Học đan lưới xuất khẩu (2 tháng x 29 người)</i>	<i>tháng</i>	<i>58</i>	<i>500</i>	<i>29000</i>		<i>2009</i>	<i>29000</i>	
	<i>Học may xuất khẩu (3 tháng x 180 người)</i>	<i>tháng</i>	<i>540</i>	<i>500</i>	<i>270000</i>		<i>2009</i>	<i>270000</i>	
	<i>Học cơ khí, mộc mỹ nghệ, điện dân dụng, sửa chữa xe máy (6 tháng x 100 người)</i>	<i>tháng</i>	<i>600</i>	<i>500</i>	<i>300000</i>		<i>2009</i>	<i>300000</i>	
9	Chi hỗ trợ ổn định sản xuất				271500	UBND huyện		271500	
	<i>Đối với hộ giải toả nò sáo</i>	<i>hộ</i>	<i>65</i>	<i>3000</i>	<i>195000</i>			<i>195000</i>	
	<i>Đối với hộ sắp xếp lại nò sáo</i>	<i>hộ</i>	<i>51</i>	<i>1500</i>	<i>76500</i>			<i>76500</i>	
10	Chi hỗ trợ gạo ổn định đời sống	kg	<b>48.870</b>			UBND huyện	2008-2009		
	<i>Đối với hộ giải toả (65 hộ x 3 khẩu x 6 tháng x 30kg/khẩu)</i>	<i>kg</i>	<i>35.100</i>						
	<i>Đối với hộ sắp xếp (51 hộ x 3 khẩu x 3 tháng x 30kg/khẩu)</i>	<i>kg</i>	<i>13.770</i>						
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>2084500</b>			<b>2014500</b>	<b>70000</b>